



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung **Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 2 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 1 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00265-20-5



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		281.884.785.324	300.390.622.833
Tiền	110	5	2.871.359.158	27.696.782.780
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.096.444.281	91.815.876.358
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	59.325.697.589	74.031.555.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.500.252.397	17.592.216.951
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.840.375.372	1.649.528.896
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.655.325.086)	(1.457.425.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.085.444.009	-
Hàng tồn kho	140	8	191.869.020.884	177.462.617.861
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.047.961.001	3.415.345.834
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.044.049.766	3.364.998.411
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	50.347.423

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		535.401.050.266	545.700.206.550
Tài sản cố định	220		431.082.526.733	434.790.654.675
Tài sản cố định hữu hình	221	9	430.558.208.971	434.241.536.909
Nguyên giá	222		1.434.146.213.609	1.349.961.192.729
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.003.588.004.638)	(915.719.655.820)
Tài sản cố định vô hình	227	10	524.317.762	549.117.766
Nguyên giá	228		1.406.656.962	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(882.339.200)	(857.539.196)
Bất động sản đầu tư	230	11	7.905.148.336	7.642.458.122
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.179.007.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.890.689.735)	(1.536.548.949)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.681.717.228	3.137.472.391
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.681.717.228	3.137.472.391
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	42.442.601.821	42.442.601.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		52.289.056.148	57.687.019.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	48.552.393.244	54.197.773.114
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.736.662.904	3.489.246.427
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		817.285.835.590	846.090.829.383

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		345.275.379.297	408.399.885.661
Nợ ngắn hạn	310		321.860.273.196	362.037.398.976
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	27.651.643.546	37.090.348.147
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.076.869.682	15.941.483.198
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	135.976.108.503	149.196.108.576
Phải trả người lao động	314		14.048.170.747	25.599.922.363
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.122.999.311	2.362.489.266
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.854.350	36.969.697
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	50.126.463.811	45.139.843.866
Vay ngắn hạn	320	18(a)	60.109.306.459	84.043.875.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	2.715.856.787	2.626.358.611
Nợ dài hạn	330		23.415.106.101	46.362.486.685
Phải trả dài hạn khác	337		5.497.500.000	4.344.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	-	24.609.306.459
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	17.917.606.101	17.409.180.226

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		472.010.456.293	437.690.943.722
Vốn chủ sở hữu	410	21	472.010.456.293	437.690.943.722
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	64.457.934.536	57.457.657.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.073.807.064	81.754.571.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		865.920.851	7.070.278.707
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		108.207.886.213	74.684.292.909
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		817.285.835.590	846.090.829.383

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.472.670.762.953	1.373.347.195.057
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.063.591.285	1.905.252.048
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.471.607.171.668	1.371.441.943.009
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.167.203.097.521	1.127.873.956.374
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		304.404.074.147	243.567.986.635
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	19.775.143.069	518.547.932
Chi phí tài chính	22		4.749.668.737	7.790.297.163
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.739.324.496	7.751.672.172
Chi phí bán hàng	25	29	26.154.103.513	27.226.760.530
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	68.838.635.032	71.289.877.909
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		224.436.809.934	137.779.598.965
Thu nhập khác	31	31	51.318.890.971	40.480.868.661
Chi phí khác	32	32	14.293.630.260	10.089.811.451
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		37.025.260.711	30.391.057.210
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		261.462.070.645	168.170.656.175
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	49.038.332.909	33.972.250.441
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(247.416.477)	(179.183.175)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		212.671.154.213	134.377.588.909

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		261.462.070.645	168.170.656.175
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		89.426.568.648	95.511.175.562
Các khoản dự phòng	03		1.049.231.875	1.021.147.075
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		292.527	(321.911)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(19.897.818.627)	(409.995.534)
Chi phí lãi vay	06		4.739.324.496	7.751.672.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		336.779.669.564	272.044.333.539
Biến động các khoản phải thu	09		23.896.324.264	(28.695.818.997)
Biến động hàng tồn kho	10		(14.308.023.023)	(36.940.930.290)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(39.104.288.712)	72.256.278.194
Biến động chi phí trả trước	12		1.966.328.515	(2.015.108.444)
			309.230.010.608	276.648.754.002
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.140.444.169)	(7.465.980.954)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.320.972.553)	(40.341.449.854)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		316.415.000	129.430.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.764.900.466)	(22.247.941.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		254.320.108.420	206.722.811.270
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(84.623.755.757)	(72.917.181.218)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		122.727.272	33.636.364
Tiền chi đầu tư vào công ty khác	25		-	(18.430.660.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		7.446.735.356	518.219.134
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.054.293.129)	(90.795.985.720)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		777.850.000.000	1.093.970.079.369
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(826.393.875.252)	(1.064.070.079.369)
Tiền chi trả cổ tức	36		(153.547.071.134)	(123.274.888.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(202.090.946.386)	(93.374.888.379)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(24.825.131.095)	22.551.937.171
Tiền đầu năm	60		27.696.782.780	5.144.523.698
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(292.527)	321.911
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.871.359.158	27.696.782.780

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm trụ sở chính của Công ty ở Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 463 nhân viên (1/1/2019: 465 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 39.975 triệu VND (1/1/2019: 61.647 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 18). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	255.006.829	1.371.119.822
Tiền gửi ngân hàng	2.616.352.329	26.325.662.958
	2.871.359.158	27.696.782.780

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	52.036.671.280	68.407.824.584
Các khách hàng khác	7.289.026.309	5.623.731.013
	59.325.697.589	74.031.555.597

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	52.036.671.280	68.407.824.584
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	4.823.629	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	362.917.632
	56.860.300.909	71.770.742.216

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu về phân phối lợi nhuận	12.328.355.999	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.512.019.373	1.649.528.896
	15.840.375.372	1.649.528.896

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.720.000	-
Nguyên vật liệu	67.476.529.481	-	75.100.948.584	-
Công cụ và dụng cụ	55.721.688.530	-	61.148.866.921	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.877.475.066	-	26.194.622.767	-
Thành phẩm	40.783.135.885	-	15.000.190.882	-
Hàng gửi đi bán	10.191.922	-	12.268.707	-
	191.869.020.884	-	177.462.617.861	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	209.394.738.540	1.114.580.161.287	19.391.724.217	5.570.489.851	1.024.078.834	1.349.961.192.729
Tăng trong năm	4.565.226.201	20.501.175.724	580.000.000	1.209.399.091	148.400.000	27.004.201.016
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.245.063.553	35.213.415.351	-	-	-	58.458.478.904
Thanh lý	-	-	(626.081.486)	-	-	(626.081.486)
Giảm khác	(30.718.954)	(620.858.600)	-	-	-	(651.577.554)
Số dư cuối năm	237.174.309.340	1.169.673.893.762	19.345.642.731	6.779.888.942	1.172.478.834	1.434.146.213.609
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	92.681.945.261	808.079.013.639	10.342.085.508	3.847.300.445	769.310.967	915.719.655.820
Khấu hao trong năm	11.733.902.273	75.375.445.365	1.435.998.621	464.167.838	38.113.761	89.047.627.858
Thanh lý	-	-	(626.081.486)	-	-	(626.081.486)
Giảm khác	(30.718.954)	(522.478.600)	-	-	-	(553.197.554)
Số dư cuối năm	104.385.128.580	882.931.980.404	11.152.002.643	4.311.468.283	807.424.728	1.003.588.004.638
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	116.712.793.279	306.501.147.648	9.049.638.709	1.723.189.406	254.767.867	434.241.536.909
Số dư cuối năm	132.789.180.760	286.741.913.358	8.193.640.088	2.468.420.659	365.054.106	430.558.208.971

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 373.645 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 201.340 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.498 triệu VND (1/1/2019: 27.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	677.656.962	179.882.234	857.539.196
Khấu hao trong năm	-	-	24.800.004	24.800.004
Số dư cuối năm	-	677.656.962	204.682.238	882.339.200
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	-	49.117.766	549.117.766
Số dư cuối năm	500.000.000	-	24.317.762	524.317.762

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 845 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 678 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.497.487.336	5.234.797.122
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	7.905.148.336	7.642.458.122

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.771.346.071
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	616.831.000
	7.388.177.071
Số dư cuối năm	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.536.548.949
Khấu hao trong năm	354.140.786
	1.890.689.735
Số dư cuối năm	
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.234.797.122
Số dư cuối năm	5.497.487.336

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	3.137.472.391	334.268.210
Tăng trong năm	60.459.172.464	38.689.845.754
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(58.458.478.904)	(32.920.898.636)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(616.831.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.760.388.436)	(52.743.141)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.079.229.287)	(2.912.999.796)
Số dư cuối năm	1.681.717.228	3.137.472.391

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 và 1/1/2019				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:					
Công ty con					
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	-	(*)
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)
			42.442.601.821	-	

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	26.457.543.786	13.622.207.945	7.926.185.972	6.191.835.411	54.197.773.114
Tăng trong năm	9.190.593.405	10.344.104.682	2.708.730.971	3.886.885.122	26.130.314.180
Phân bổ trong năm	(13.294.845.073)	(11.217.473.444)	(417.103.764)	(5.579.805.444)	(30.509.227.725)
Thanh lý	(1.040.650.471)	(219.887.335)	-	(5.928.519)	(1.266.466.325)
Số dư cuối năm	21.312.641.647	12.528.951.848	10.217.813.179	4.492.986.570	48.552.393.244

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.474.647.773	13.012.071.973
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	3.810.545.860	-
Công ty TNHH Vận tải Thái Tân	2.768.388.425	2.065.879.230
Các nhà cung cấp khác	11.598.061.488	22.012.396.944
	27.651.643.546	37.090.348.147

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn	534.606.956	2.232.647.187
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.474.647.773	13.012.071.973
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	2.651.055.165	242.286.354
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	29.194.000	-

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	16.314.872.191	270.126.391.668	(107.346.211.399)	(167.184.504.147)	11.910.548.313
Thuế tiêu thụ đặc biệt	124.981.367.750	1.185.998.194.681	-	(1.209.330.810.026)	101.648.752.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.950.821.791	49.038.332.909	-	(35.320.972.553)	19.668.182.147
Thuế thu nhập cá nhân	1.575.764.529	7.541.498.148	-	(6.408.595.928)	2.708.666.749
Thuế nhà đất	373.282.315	3.915.802.582	-	(4.289.084.897)	-
Các loại thuế khác	-	673.878.712	-	(633.919.823)	39.958.889
	149.196.108.576	1.517.294.098.700	(107.346.211.399)	(1.423.167.887.374)	135.976.108.503

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	43.106.476.863	32.496.983.997
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	1.401.021.315	514
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	936.040.000	1.668.260.000
Phải trả công ty con liên quan đến lợi nhuận chuyển dư	-	6.300.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.682.925.633	4.674.599.355
	50.126.463.811	45.139.843.866

(*)

Đây là vật tư và phụ tùng thay thế phát hiện thừa, thiếu trong quá trình kiểm kê do nhầm lẫn về mã quản lý của vật tư và phụ tùng. Trong đó vật tư, phụ tùng thừa là 1.401 triệu VND và vật tư, phụ tùng thiếu là 1.085 triệu VND như được nêu ở Mã số 139 trên bảng cân đối kế toán. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình rà soát lại các mã vật tư, phụ tùng để điều chỉnh cho phù hợp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong năm		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	59.430.000.000		777.850.000.000	(801.780.000.000)	35.500.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	24.613.875.252		24.609.306.459	(24.613.875.252)	24.609.306.459	
	84.043.875.252		802.459.306.459	(826.393.875.252)	60.109.306.459	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	5,9%	12.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (ii)	VND	6,0%	3.600.000.000	7.150.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (iii)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Nhân viên Công ty (iii)	VND	7,0%	1.500.000.000	3.880.000.000
			35.500.000.000	59.430.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Đắk Lắk (“Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk”) có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Vietcombank – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng là 25.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương Mại Phú Yên, công ty liên kết, và từ nhân viên Công ty không có đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2020	11.750.000.000	23.500.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2020	12.859.306.459	25.723.181.711
				24.609.306.459	49.223.181.711
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(24.609.306.459)	(24.613.875.252)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					- 24.609.306.459

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.498 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 27.476 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB and 261017/MQK/HDTB ngày 26 tháng 10 năm 2017 (thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.626.358.611	63.872.105
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	14.195.077.642	24.680.998.430
Tăng khác	316.415.000	129.430.000
Sử dụng trong năm	(14.421.994.466)	(22.247.941.924)
Số dư cuối năm	<u>2.715.856.787</u>	<u>2.626.358.611</u>

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng	Dự phòng	Tổng
	trợ cấp thôi việc	khác (*)	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	8.993.879.125	8.415.301.101	17.409.180.226
Dự phòng trích lập trong năm	851.331.875		851.331.875
Dự phòng sử dụng trong năm	(342.906.000)	-	(342.906.000)
Số dư cuối năm	<u>9.502.305.000</u>	<u>8.415.301.101</u>	<u>17.917.606.101</u>

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	298.466.480.000	12.234.693	51.094.708.896	127.654.169.654	477.227.593.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	134.377.588.909	134.377.588.909
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.362.948.517	(6.362.948.517)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(24.680.998.430)	(24.680.998.430)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(149.233.240.000)	(149.233.240.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	81.754.571.616	437.690.943.722
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	212.671.154.213	212.671.154.213
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(164.156.564.000)	(164.156.564.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 89.540 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017).

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 11 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: 59.693 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	324	8.238.133	336	6.447.259
EUR	369	9.400.071	618	15.644.567
		17.638.204		22.091.826

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2019 Số lượng	1/1/2019 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	429	831
Bia Sài Gòn 355	Ket	290	-

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.459.343.788.401	1.362.656.034.427
▪ Cung cấp dịch vụ	12.769.709.560	10.691.160.630
▪ Doanh thu khác	557.264.992	-
	1.472.670.762.953	1.373.347.195.057
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.063.591.285	1.905.252.048
	1.471.607.171.668	1.371.441.943.009

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	1.160.645.371.332	1.122.061.944.844
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.000.461.197	5.812.011.530
▪ Giá vốn khác	557.264.992	-
	<hr/> 1.167.203.097.521	<hr/> 1.127.873.956.374

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	18.809.125.499	144.621.600
Lãi tiền gửi	965.965.856	373.597.534
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.714	328.798
	<hr/> 19.775.143.069	<hr/> 518.547.932

29. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	4.971.234.648	6.312.764.176
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.000.905.916	1.838.246.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.684.530.774	11.627.642.979
Chi phí bán hàng khác	3.497.432.175	7.448.106.447
	<hr/> 26.154.103.513	<hr/> 27.226.760.530

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	29.687.300.696	32.064.151.773
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.258.880.706	4.215.177.324
Chi phí thuê	4.683.951.044	4.739.588.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.744.486.361	4.951.507.686
Chi phí quản lý khác	24.464.016.225	25.319.452.363
	68.838.635.032	71.289.877.909

31. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập bán phế liệu	13.852.218.230	13.893.280.240
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	13.009.549.102	8.843.649.993
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	9.919.996.364	6.751.994.550
Bán hơi bão hòa	6.323.400.000	4.793.609.088
Thu nhập khác	8.213.727.275	6.198.334.790
	51.318.890.971	40.480.868.661

32. Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Chi phí bảo hành và cung cấp dịch vụ sửa chữa	4.488.999.072	4.337.332.592
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.696.049.730	1.302.069.407
Chi phí bán hơi bão hòa	3.104.598.388	1.405.332.000
Chi phí khác	5.003.983.070	3.045.077.452
	14.293.630.260	10.089.811.451

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	966.085.112.798	906.184.850.637
Chi phí nhân công và nhân viên	91.940.915.742	100.731.600.178
Chi phí khấu hao và phân bổ	89.426.568.648	95.511.617.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.528.767.893	82.606.049.427
Chi phí khác	52.798.069.658	56.997.457.508
	966.085.112.798	906.184.850.637

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	48.979.422.719	33.951.690.441
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.910.190	20.560.000
	49.038.332.909	33.972.250.441
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(247.416.477)	(179.183.175)
	48.790.916.432	33.793.067.266

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	261.462.070.645	168.170.656.175
	261.462.070.645	168.170.656.175
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	52.292.414.129	33.634.131.234
Chi phí không được khấu trừ thuế	201.417.213	167.300.352
Thu nhập không bị tính thuế	(3.761.825.100)	(28.924.320)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.910.190	20.560.000
	48.790.916.432	33.793.067.266

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	264.484.848.045	213.598.070.870
Bán phụ tùng thay thế	557.264.992	216.104.382
Mua công cụ dụng cụ	3.282.715.030	3.003.170.400
Mua dịch vụ	5.606.752.115	5.444.003.738
Nhận cổ tức	18.628.355.999	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	874.497.617.864	806.656.544.518
Mua nguyên vật liệu	654.379.394.488	328.875.951.796
Cổ tức	38.469.452.000	28.852.089.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	5.135.235.864	2.928.487.932
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	462.952.102	420.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ dụng cụ	6.742.520.000	6.626.426.000
Cổ tức được chia	180.769.500	144.621.600
Chi phí lãi vay	91.748.000	38.564.384
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	7.982.935.000	7.503.035.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

Số 44/CV-CT

V/v Công bố thông tin BCTC

Tổng hợp năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Tuấn Anh
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, BCĐKT tại ngày 31/12/2019, BCKQKD năm 2019, BCLCTT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2019, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2019.
 - 6.2 Các nội dung giải trình: **Lợi nhuận sau thuế năm 2019 chênh lệch từ 10% trở lên so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2018, cụ thể:**

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2019 đã kiểm toán tăng 58% so với cùng kỳ 2018 tương ứng với tăng **78,29 tỷ đồng**, chủ yếu do Chi phí, chi phí nguyên vật liệu giảm và lợi nhuận năm 2019 của công ty con chuyển về

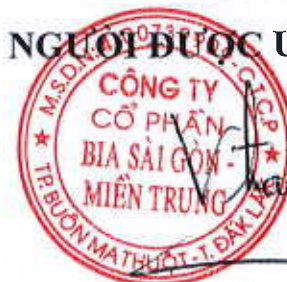
Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán để thuyết minh lợi nhuận sau thuế TNDN chênh lệch từ 10% so với cùng kỳ năm 2018 theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: biasaigonmt.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên
- Lưu VT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT



Vũ Tuấn Anh